

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-PT
Ngày: 19 - 3- 2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ

Bà Võ Thị H Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLDS-PT, ngày 18 tháng 02 năm 2021. Về: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 474/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Quốc D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ X, khu phố Y, thị trấn TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Tổ M, ấp TH, xã TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: Tổ N, ấp THT, xã TLT, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ M, ấp TH, xã TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 9 năm 2020); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm Văn T: Luật sư Vương Sơn Hà – Đoàn luật sư Tây Ninh; có mặt.

3. *Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H – là bị đơn.*

4. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên tỉnh Tây Ninh kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Quốc D trình bày:

Ngày 05-5-2020, ông D nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (viết tắt là: CNQSD đất) của bà Phạm Thị H diện tích ngang 60 m x dài 60 m, thửa số 235 (mới), thửa 2468 (cũ), tờ bản đồ số 36 (mới), tờ bản đồ số 18A (cũ), tọa lạc ấp TH, xã TB, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là: CNQSDĐ) số: 57/2007/CT-UB ngày 01-6-2007 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Biên cấp, bà Phạm Thị H đứng tên. Giá chuyển nhượng là 18.000.000 đồng/1m ngang mặt tiền đường nhựa trong lô. Cùng ngày, ông D đã đặt cọc cho bà H số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, việc đặt cọc có làm văn bản, thỏa thuận trong thời hạn một tháng sẽ tiến hành đo đạc và làm thủ tục chuyển nhượng. Đến hạn, ông D yêu cầu bà H làm thủ tục chuyển nhượng như đã thỏa thuận nhưng bà H nói “*chưa làm xong việc đổi sổ cũ lấy sổ mới*”. Tháng 7 - 2020, bà H làm xong thủ tục đổi sổ, ông D và bà H tiến hành đo đất để làm thủ tục chuyển nhượng thì phát hiện đất của bà H trong số 60 m chiều ngang mặt tiền có 40 m có chiều dài 60 m, còn lại 20 m chiều dài chỉ 47 m. Bà H tính giá chuyển nhượng của phần đất này (ngang 20 m x dài 47 m) giá 16.000.000 đồng/1m ngang, nhưng ông D không đồng ý. Ông D yêu cầu tính giá 14.000.000 đồng/1m ngang, bà H không đồng ý. Hai bên không thống nhất về giá chuyển nhượng nên thỏa thuận lại là bà H hoàn trả lại số tiền 150.000.000 đồng do ông D đặt cọc và phụ tiền lãi là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H chỉ trả 160.000.000 đồng nên ông D không đồng ý nhận. Lúc này, ông D nói đồng ý mua diện tích ngang 20 m x 47 m giá 16.000.000 đồng/m ngang và yêu cầu bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng CNQSD đất nhưng bà H không đồng ý chuyển nhượng nữa.

Nay ông D yêu cầu bà H tiếp tục thực hiện hợp đồng CNQSD đất diện tích ngang 60 m x dài 60 m như đã nêu trong hợp đồng. Ngày 14-9-2020, ông D thay

đòi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà H trả lại số tiền đặt cọc là 150.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu bà H phải chịu phạt cọc là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 300.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 11- 9- 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Phạm Văn T trình bày:

Bà H thừa nhận có thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông D diện tích đất ngang 55 m x dài 56 m và bà có nhận tiền đặt cọc của ông D 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền đặt cọc bà H đã giao diện tích đất chuyển nhượng nêu trên cho ông D, ông D đang trồng lúa trên đất này nay đã trả lại cho bà H. Ngày 05-6-2020, bà H và ông D tiến hành làm thủ tục chuyển nhượng, ông D yêu cầu bà H làm thủ tục tách thửa cho 04 người, nhưng cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Tân Biên nói “*chiều ngang đất 17 m x dài 47 m nếu tách sang tên thì trong giấy chứng nhận còn lại 13 m chiều dài là đất ruộng nên không thể tách được*”. Ngày 16-8-2020, bà H có thương lượng với ông D là diện tích ngang 17 m x dài 47 m bà H giảm 2.000.000 đồng/1m ngang (tức giá chuyển nhượng chỉ còn 16.000.000 đồng/1m ngang); nhưng ông D không đồng ý, ông D yêu cầu giảm 4.000.000 đồng/1m ngang (tức giá chuyển nhượng chỉ còn 14.000.000 đồng/1m ngang). Do không tiếp tục chuyển nhượng nữa nên ông D và bà H thỏa thuận trả lại số tiền đặt cọc 150.000.000 đồng và bà H phụ tiền lãi 30.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng nhưng vì điều kiện khó khăn nên bà H chỉ trả cho ông D số tiền nhận đặt cọc 150.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng, ông D không đồng ý nhận mà yêu cầu bà H trả tiền lãi 15.000.000 đồng, tổng cộng 165.000.000 đồng.

Nay bà H không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng CNQSD đất theo yêu cầu của ông D, đồng ý trả lại số tiền bà nhận đặt cọc 150.000.000 đồng, không đồng ý phạt cọc, không đồng ý trả tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc D đối với bà Phạm Thị H về “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Quốc D số tiền đặt cọc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền phạt cọc 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng, tổng cộng 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11- 01- 2021, bà H kháng cáo: Không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn. Lý do bà có thiện chí bán đất nên sau khi nhận cọc bà giao đất cho ông D trồng lúa. Khi đo đạc thực tế thì trong 60 m chiều ngang thì có 17 m không đủ chiều dài 60 m như hợp đồng đặt cọc nên ông D không đồng ý mà yêu cầu đo thêm phần đất thừa khác và giảm 4.000.000 đồng/m ngang, tổng cộng 68.000.000 đồng/17 m, bà không đồng ý.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh kháng nghị đề nghị sửa bản án sơ thẩm, với lý do:

Tòa án xác định lỗi hoàn toàn do bà H là không đúng, vì khi mua đất ông D đã xem giấy CNQSD đất của bà H và làm hợp đồng ngang 60 m, không ghi chiều dài, bà H đã đến VPĐKĐĐ chỉnh lý lại trang 4 của giấy đất thì chiều dài của đất không đủ 60 m, ông D đòi giảm giá 4.000.000 đồng/m việc yêu cầu giảm giá này không có trong hợp đồng đặt cọc nên bà H không có lỗi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà H, bổ sung thêm là bà H đồng ý trả lại tiền đặt cọc và tiền lãi cho ông D theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận:

- Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng lỗi hoàn toàn do bà H là không đúng, vì sau khi nhận tiền của ông D, bà H đã trả cho Ngân hàng lấy giấy CNQSD đất ra làm thủ tục chuyển nhượng cho ông D.

- Ông D là cán bộ công tác tại VPĐKĐĐ, khi đặt cọc ông D đã xem giấy CNQSD đất và biết trong đất này có đất ruộng, không đủ điều kiện tách thửa, nên hai bên thương lượng trả lại tiền cọc và phụ tiền lãi. Tuy nhiên, do lãi suất ông D yêu cầu cao, bà H đã xin giảm nhưng ông D không đồng ý nên việc đặt cọc chuyển

nhượng đất đã có thỏa thuận khác, không còn chuyển nhượng nữa, bà H không có lỗi, không vi phạm hợp đồng đặt cọc.

- Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu phạt cọc của ông D, sửa án sơ thẩm. Bà H đồng ý trả lãi cho ông D theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận cọc nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông D trình bày: Bà H đã vi phạm thỏa thuận đặt cọc nên phải chịu phạt cọc, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên.

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Việc không thực hiện hợp đồng đúng hạn là do lỗi khách quan, các bên không lường trước được diện tích đất bị thiếu so với giấy CNQSD đất của bà H và việc này cũng không có thỏa thuận trong hợp đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12-01-2021 của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên; sửa án sơ thẩm. Ghi nhận bị đơn đồng ý trả lại tiền đã nhận cọc là 150.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của bà H, kháng nghị của Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Phạm Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên kháng nghị bản án sơ thẩm phù hợp tại Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều thừa nhận. Ngày 05-5-2020, ông D có thỏa thuận với bà H đặt cọc số tiền 150.000.000 đồng để giao kết chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H (không ghi rõ diện tích, vị trí đất, chỉ ghi số giấy đất và ngày cấp giấy) mà chỉ thỏa thuận miệng ngang 60 m dài 60 m, giá 18.000.000 đồng/ m chiều ngang. Tuy nhiên, khi tiến hành đo đạc làm thủ tục chuyển nhượng thì trong 60 m chiều ngang có 20 m chiều ngang mà chiều dài chỉ có 47 m nên ông D yêu cầu giảm tiền 68.000.000 đồng, bà H không đồng ý. Ông D và bà H thỏa thuận lại bằng lời nói là *“bà H trả lại tiền cọc 150.000.000 đồng và trả lãi số tiền 30.000.000 đồng”*. Do bà H trả không đủ tiền lãi nên ông D khởi kiện yêu cầu phạt cọc.

[3]. Xét kháng cáo của bà H thấy rằng:

[3.1]. Về hình thức của hợp đồng đặt cọc được lập thành văn bản, mặc dù hai bên không ghi rõ diện tích, vị trí đất nhưng có ghi số và ngày cấp giấy CNQSD đất của bà H nên hợp đồng phù hợp về hình thức.

[3.2]. Về căn cứ: Sau khi nhận tiền cọc 150.000.000 đồng, bà H đã trả nợ ngân hàng để lấy giấy CNQSDĐ ra để điều chỉnh theo bản đồ mới phục vụ cho việc làm thủ tục chuyển nhượng, thể hiện bà có thiện chí chuyển nhượng đất, ngoài ra bà H đã giao đất cho ông D trồng lúa, điều này đã được bà Chi là người đại diện theo ủy quyền của ông D tại cấp sơ thẩm xác nhận tại biên bản hòa giải. Ngày 09-7-2020, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh huyện Tân Biên đã chỉnh lý giấy CNQSDĐ đất của bà H tại trang 04 sang bản đồ chính quy. Tuy nhiên, khi hai bên tiến hành đo đạc để làm thủ tục thì trong 60 m chiều ngang có 20 m chiều dài chỉ có 47 m (không đúng như thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc) nên ông D đòi giảm tiền 4.000.000 đồng/m ngang, hai bên không thỏa thuận được việc chuyển nhượng thì ông D và bà H thỏa thuận lại nội dung là bà H trả lại tiền cọc 150.000.000 đồng và trả lãi số tiền 30.000.000 đồng cho ông D. Như vậy, kể từ thời điểm này hợp đồng đặt cọc giữa hai bên không còn hiệu lực theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự. Do đó, bà H phải có trách nhiệm trả tiền cọc cho ông D là phù hợp.

Cấp sơ thẩm cho rằng: Ngày 25-8-2020, bà H yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Tây Ninh - Chi nhánh huyện Tân Biên hủy hồ sơ trích đo là hành động từ

chối việc giao kết thực hiện hợp đồng, lỗi hoàn toàn thuộc về bà H nên buộc bà H chịu phạt cọc theo khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự là không có căn cứ. Bởi lẽ, tháng 7-2020 thì bà H và ông D đã thỏa thuận trả lại tiền cọc, hai bên không thực hiện việc chuyển nhượng nữa nên việc bà H hủy hồ sơ trích đo đất không liên quan đến hợp đồng đặt cọc. Do đó, cần phải áp dụng quy định “*trừ trường hợp có thỏa thuận khác*” theo khoản 2 Điều 328 Bộ luật Dân sự mới đúng pháp luật. Kháng cáo của bà H không đồng ý phạt cọc 150.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3]. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, thấy rằng: Việc ông D đề nghị tiếp tục chuyển nhượng phần đất chiều ngang 20 m dài 47 m theo giá bà H đưa ra 16.000.000đồng/m chiều ngang, (sau khi đã thỏa thuận trả cọc) bà H không đồng ý chuyển nhượng và điều này cũng không nằm trong thỏa thuận đặt cọc trước đó. Tại bản tự khai của ông D (bút lục số 30) ông trình bày “*do thực tế bao nhiêu tính bấy nhiêu*”, như vậy khi đặt cọc các bên không biết rõ diện tích đất chuyển nhượng nên bà H không có lỗi. Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên là có căn cứ.

[3.4]. Bà H và ông D đều không có lỗi. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T (đại diện cho bà H) trình bày là bà H đã sử dụng số tiền của ông D đặt cọc để trả nợ cho Ngân hàng, bà H đồng ý trả tiền lãi cho ông D theo quy định của pháp luật từ ngày nhận cọc đến ngày xét xử phúc thẩm. Nhận thấy, lời trình bày của ông T là phù hợp nên ghi nhận. Do các bên trước đây đã thỏa thuận trả lãi 30.000.000 đồng/150.000.000 đồng/02 tháng là vượt quá mức lãi theo quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể tiền lãi được tính toán như sau:

Tiền gốc 150.000.000 đồng \times 1,66%/tháng = 2.490.000 đồng/tháng, tính từ ngày 05-5-2020 đến ngày xét xử phúc thẩm (19-3-2021) là 10 tháng 14 ngày, thành tiền 26.062.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà H phải trả cho ông D số tiền 176.062.000 đồng.

[3.5]. Tại phiên tòa, ông D và người đại diện theo ủy quyền của bà H đều xác nhận đất chuyển nhượng có tranh chấp, hiện bà H đang quản lý nên không buộc ông D trả lại đất cho bà H.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; sửa án sơ

thẩm.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1]. Ông Võ Quốc D phải chịu số tiền 7.500.000 đồng = (150.000.000 đồng x 5%) về yêu cầu phạt cọc không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

[5.2]. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H đồng ý trả lại đủ tiền cọc cho ông D nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần hoàn trả 150.000.000 đồng, bà H phải chịu án phí phần nghĩa vụ trả lãi cho ông D số tiền 1.303.000 đồng = (26.062.000 đồng x 5%) theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH;

[6]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh;

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 58/2020/DS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Quốc D đối với bà Phạm Thị H;

1.1. Bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Quốc D số tiền đặt cọc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi là 26.062.000 đồng; tổng cộng 176.062.000 (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Võ Quốc D có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị H không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị H còn phải trả cho ông Võ Quốc D số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu phạt cọc số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng của ông Võ Quốc D đối với bà Phạm Thị H.

2. Về án phí:

2.1. Ông Võ Quốc D phải chịu số tiền 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ số tiền ông D nộp 7.800.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu số 0004006 ngày 27-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông D số tiền 300.000 đồng.

2.2. Bà Phạm Thị H phải chịu số tiền 1.303.000 (một triệu ba trăm lẻ ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

3. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Phạm Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số: 0004860 ngày 12/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm